

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2021/HNGĐ – ST**

Ngày 24/5/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Ba và ông Bùi Quốc Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2020/TLST – HNGĐ, ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1995; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 22/4/2021;

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Chỗ ở hiện nay: thôn Y, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Lê Thành T, sinh năm 1989; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Nơi cư trú: thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2020, bản tự khai ngày 28/12/2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Chị Bùi Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với Anh Lê Thành T, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông vào ngày 15/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến khi chị mang thai thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không có trách

nhiệm với vợ con, hay ăn nhậu và không chịu làm ăn, nhất là khi chị sinh con. Vì con cái chị đã cố nhẫn nhịn, khuyên anh T sửa đổi nhưng anh không nghe mà ngày càng quá đáng hơn.

Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Lê Thành T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Huyền T, sinh ngày 15/5/2015 đang sống với anh Tình. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng giao cháu T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không có.

Bị đơn Anh Lê Thành T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải... nhưng Anh Lê Thành T vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản ý kiến phản hồi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại Điều 28, 68, 195, 196, 207, 208, 209, 210, 211, 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Bị đơn Anh Lê Thành T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên việc tiến hành giải quyết vắng mặt anh Tình là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203, 220, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Bùi Thị Thanh N được ly hôn Anh Lê Thành T.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 15/5/2015 cho anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Thành T được quyền yêu cầu chị Nga cấp dưỡng nuôi con trong một vụ án khác.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn Chị Bùi Thị Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Anh Lê Thành T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Đối với bị đơn Anh Lê Thành T quá trình Tòa án tiến hành tố tụng đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng anh không có văn bản phản hồi ý kiến, không thực đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án”*, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án để xem xét yêu cầu khởi kiện của chị N.

[2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án và Biên bản xác minh ngày 20/4/2021 tại UBND xã B về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Bùi Thị Thanh N và Anh Lê Thành T đăng ký kết hôn ngày 15/11/2013 tại UBND phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị N và anh T chung sống được một thời gian thì ly thân mỗi người mỗi nơi; chị N sinh sống tại tỉnh Đắk Lắk, anh T sinh sống tại xã B, huyện S. Trước khi chị N khởi kiện đến Tòa án thì vợ chồng anh, chị đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài. Việc anh, chị không sống chung với nhau trong thời gian dài thể hiện tình nghĩa vợ chồng anh, chị không còn và không có nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ và có nghĩa vụ chung sống với nhau...”*, tuy nhiên, chị N và anh T không còn thương yêu, không còn quan tâm, chia sẻ, không chăm sóc và không còn sống chung với nhau; điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên tự sống ly thân.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho anh T đến tham gia phiên họp hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa. Điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí hòa giải đoàn tụ và không mong muốn đoàn tụ sống chung với chị N. Chị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và không mong muốn đoàn tụ. Cả hai bên đều không muốn đoàn tụ sống chung với nhau, như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử đủ chấp nhận yêu cầu của Chị Bùi Thị

Thanh N về việc ly hôn với Anh Lê Thành T là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Chị N và anh T có 01 con chung là Lê Thị Huyền T, sinh ngày 15/5/2015 đang sống cùng anh T. Chị N có nguyện vọng giao cháu Lê Thị Huyền T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện nay cháu Lê Thị Huyền T do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N cũng có nguyện vọng giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi cũng như ổn định cuộc sống, học tập cho con chung nên giao cháu Lê Thị Huyền T cho anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không có ý kiến phản hồi yêu cầu khởi kiện của chị N về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để giải quyết. Anh T được quyền yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con trong một vụ án dân sự khác.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản*: Không có, không đặt ra giải quyết.

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Bùi Thị Thanh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng chị được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.5] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 235; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 24, điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Thanh N được ly hôn với Anh Lê Thành T.

2.2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Lê Thị Huyền T, sinh ngày 15/5/2015 cho Anh Lê Thành T tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (cháu T đang sống với anh T).

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Lê Thành T được quyền yêu cầu Chị Bùi Thị Thanh N cấp dưỡng nuôi con trong một vụ án khác nếu có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không có.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thanh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0003536, ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.6. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Thanh N và Anh Lê Thành T đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

2.7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Hải;
- UBND P.Nghĩa Đức, TX.Gia Nghĩa, Đăk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Toại

